

## Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: ..... /2026/HNGĐ

Ngày 22/7/2026

Về việc tranh chấp xin ly hôn,  
nuôi con chung.

# NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

.....

**- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -**

Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 566/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280 /2026/QĐ - ST ngày 06/6/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 222/2026/ QĐ – ST ngày 06/7/2026, giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn: Anh Bùi Quang T, sinh năm 1983**

HKTT: Khu phố C, phường M, Bắc Ninh

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, CCCD số 034190021357 do

Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/05/2023.

Địa chỉ: B T, phường Y, Thành phố Hà Nội

(Theo giấy ủy quyền ngày 14/7/

(..... mặt tại phiên toà)

## 2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Hải L, sinh năm 1983

HKTT+ Cư trú: Nhà số E, ngõ C phố T, phường T, Thành phố Hà Nội

(.....mặt tại phiên toà)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Quang T trình bày:***

- Về tình cảm: Anh Bùi Quang T và chị Bùi Thị Hải L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2007 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (Nay là UBND phường M, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian hạnh phúc, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, không có

tiếng nói chung. Hiện nay, anh đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đ. Vợ chồng đã tìm mọi cách để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh T xác định anh chị có 02 con chung là:

1. Cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 04/8/2008
2. Cháu Bùi Danh T2, sinh ngày 10/04/2011

Hiện nay, con chung đang ở cùng chị L tại nhà số E, ngõ C phố T, phường T, Thành phố Hà Nội. Khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao cả con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 4.000.000đồng/ tháng.

Về tài sản, nhà đất, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết

**\* Bị đơn là bà Bùi Thị Hải L không đến Tòa không có lời khai**

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Anh Bùi Quang T và Bùi Thị Hải L tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2007 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (Nay là UBND phường M). Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, sống ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Bùi Quang T đối với chị Bùi Thị Hải L là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

1. Cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 04/8/2008
2. Cháu Bùi Danh T2, sinh ngày 10/04/2011

Hiện nay, 02 con chung đang ở cùng chị L tại nhà số E, ngõ C phố T, phường T, Thành phố Hà Nội. Khi ly hôn anh L đề nghị Tòa án giao cả con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 4.000.000đồng/ tháng.

Tòa án cũng đã triệu tập, tiến hành lấy lời khai của chị L và ý kiến của con chung nhưng không thực hiện được. Việc anh T đề nghị để chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để con chung không bị xáo trộn về sinh hoạt, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 4.000.000đồng/ tháng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Từ các nhận định trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39 BLTTDS 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Quang T đối với chị Bùi Thị Hải L. Anh T được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Giao 02 con chung cho chị T3 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Linh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đồng/ tháng. Kể từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét

- Về án phí: Anh Bùi Quang T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Bùi Thị Hải L có HKTT + cư trú tại số E, ngõ C phố T, phường T, Thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do; người đại diện theo ủy quyền của anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh T, chị L là đúng quy định của pháp luật.

[2].Về nội dung: Anh Bùi Quang T và chị Bùi Thị Hải L có tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2007 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Anh T, chị L có 02 con chung là:

1.Cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 04/8/2008

2.Cháu Bùi Danh T2, sinh ngày 10/04/2011

Hiện nay, 02 con chung đang ở cùng chị L tại nhà số E, ngõ C phố T, phường T, Thành phố Hà Nội. Khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao cả con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 4.000.000đồng/ tháng.

Toà án cũng đã triệu tập, tiến hành lấy lời khai của chị L và ý kiến của con chung nhưng chị L không đến Tòa án, không thể thực hiện được. Việc anh T đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để con chung không bị xáo trộn về sinh hoạt, cũng như việc học tập, tạo điều kiện cho con chung phát

triển một cách tốt nhất, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 4.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 08/2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, yêu cầu của anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Bùi Quang T phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147; 227; 238; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Quang T đối với chị Bùi Thị Hải L. Anh T được ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là: Cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 04/8/2008; cháu Bùi Danh T2, sinh ngày 10/04/2011 cho chị Bùi Thị Hải L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Quang T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 4.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 8 – 2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Quang T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013640 ngày 27/10/2025 tại Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Thắng, chị L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

#### **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nơi nhận: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND khu vực 4 – Hà Nội
- THADS Khu vực 4 – Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu VP

**Lê Thị Tuyết**